



TRUNG TÂM TƯ VẤN
VÀ HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP

GIÁ CẢ NÔNG SẢN

CHỢ TAM BÌNH - THỦ ĐỨC (Ngày 30/01/2019)

STT	Tên sản phẩm	Giá cả thị trường (VNĐ/kg)
I	Rau lá, củ quả	
1	Cải thảo	8.000
2	Xà lách búp	4.000
3	Cải bắp tròn	7.000
4	Cải ngọt	7.000
5	Cải bẹ xanh	13.000
6	Rau muống nước	8.000
7	Rau muống hạt	9.000
8	Cải thìa	6.000
9	Rau quế	11.000
10	Bầu	9.000
11	Su su	4.000
12	Khoai lang bí	15.000
13	Cà chua	25.000
14	Bông cải xanh	13.000
15	Cà rốt	18.000
16	Củ cải trắng	5.000
17	Su hào	7.000
18	Đậu hà lan	80.000
19	Đậu côve trắng	18.000
20	Khoai tây hồng	22.000
21	Bí đỏ	9.000
22	Bí xanh	9.000
23	Khổ qua	4.000
24	Dưa leo	10.000
25	Đậu bắp	20.000
26	Cà tím	10.000

27	Ớt cay Batri	30.000
28	Chanh giấy	33.000
29	Tỏi	55.000
30	Hành lá (hành hương)	20.000
31	Ngò rí	12.000
32	Rau dền	8.000
II	Trái cây	
1	Cam sành	12.000
2	Cam xoan	28.000
3	Quýt đường	43.000
4	Quýt tiêu	30.000
5	Bưởi da xanh	55.000
6	Bưởi năm roi	35.000
7	Xoài Đài Loan	13.000
8	Xoài cát Hòa Lộc	80.000
9	Xoài ghép	13.000
10	Xoài cát chu	23.000
11	Táo xanh	8.000
12	Dưa hấu dài đỏ	11.000
13	Dưa hấu sọc	11.000
14	Nho đỏ Phan Rang	22.000
15	Thanh Long Bình Thuận	28.000
16	Thanh Long Long An	24.000
17	Đu đủ	7.000
18	Chôm chôm thái	38.000
19	Chôm chôm nhãn	30.000
20	Mãng cầu tròn	50.000
21	Nhãn huế	14.000
22	Nhãn xuong	6.000
23	Lồng mứt	18.000